FireAnt

CTCP FPT (HSX: FPT)

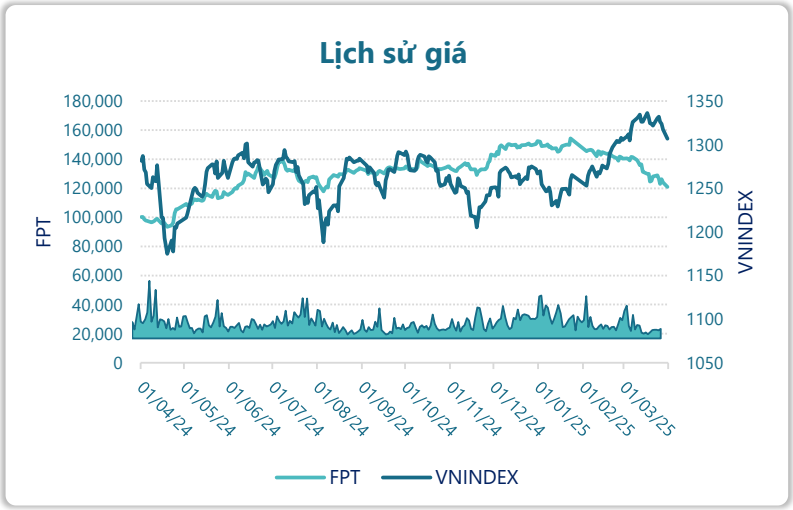

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**121,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	154,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	93,483
SL cổ phiếu LH	1,269,968,875
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,000,045
% sở hữu nước ngoài	41.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	153,666
P/E	18.7
EPS	6,477

DT thuần

Q1/25

16,058

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,550| -8.8%

YoY: ▲ 1,965| 13.9%

LN sau thuế

Q1/25

2,596

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 102| 4.1%

YoY: ▲ 436| 20.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

18.5%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2024

62,849

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10,231| 19.4%

LN sau thuế

2024

9,427

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,639| 21.0%

ROE

2024

23.9%

+/- YoY: ▲ 0.5%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

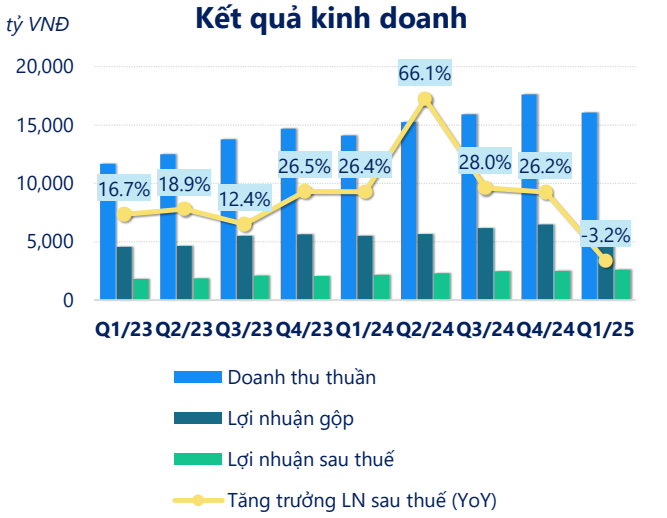

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

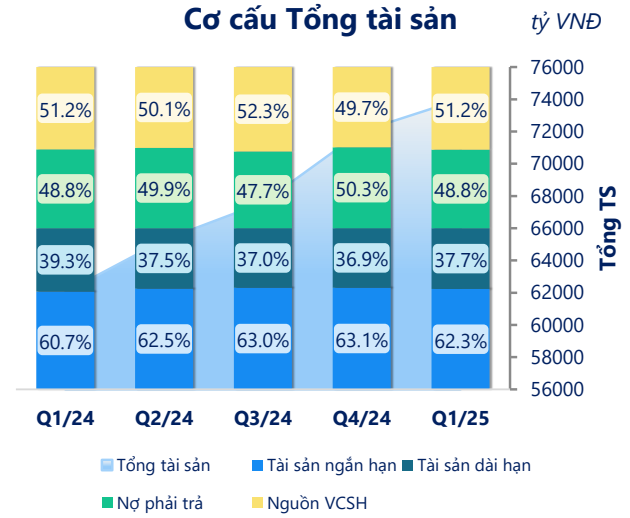

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

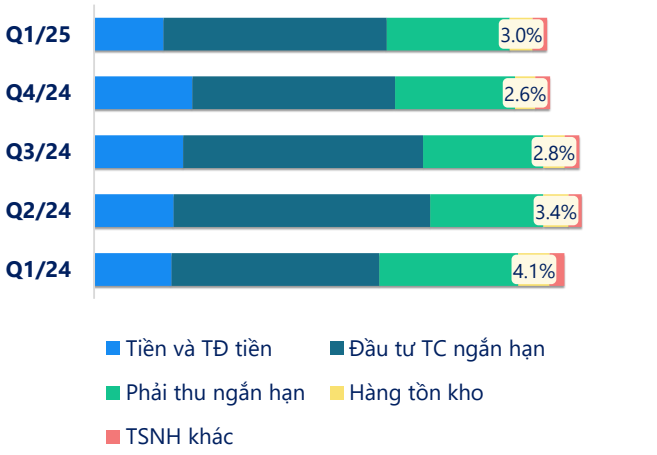

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

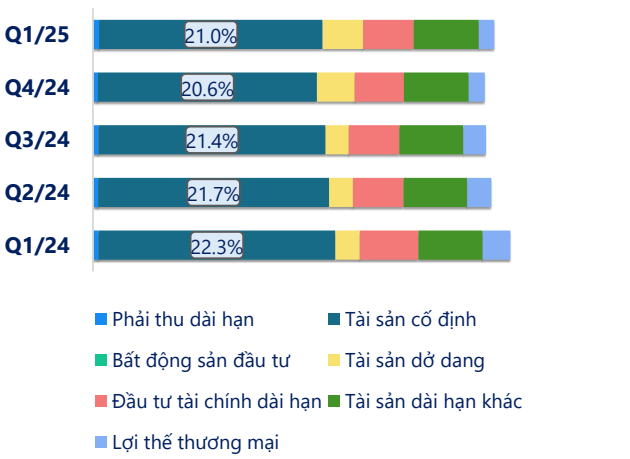

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

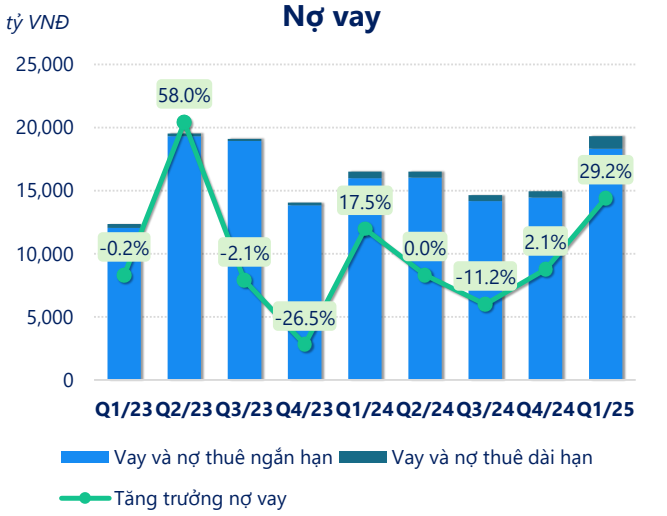

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

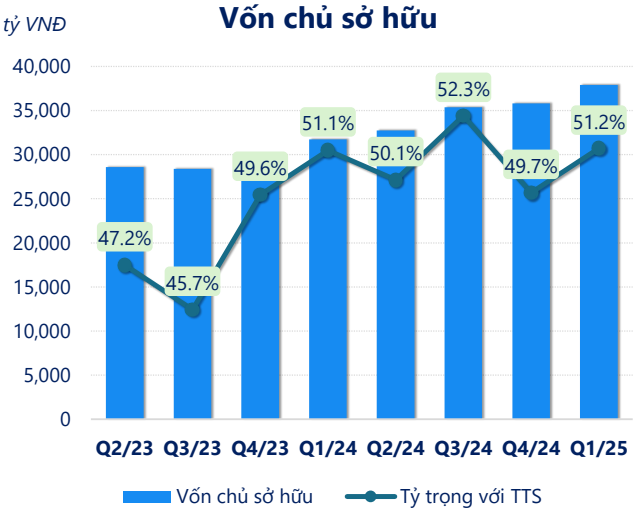

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

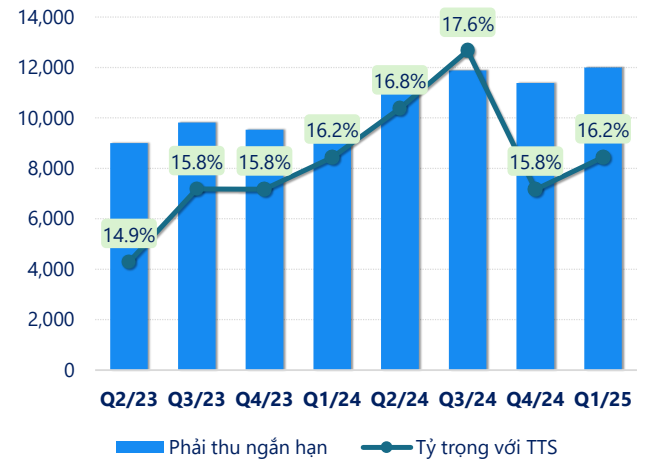

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

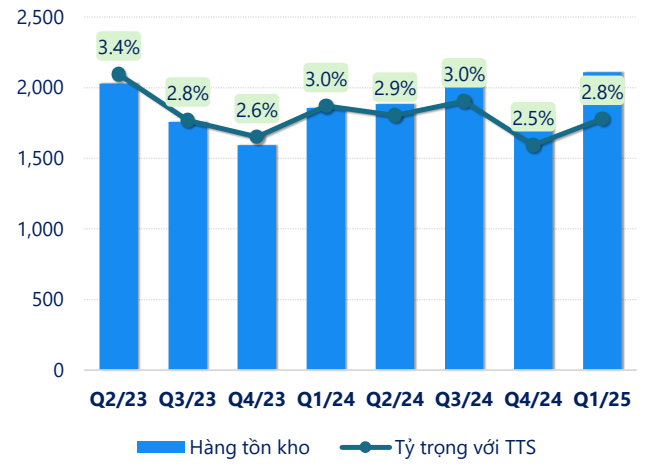

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

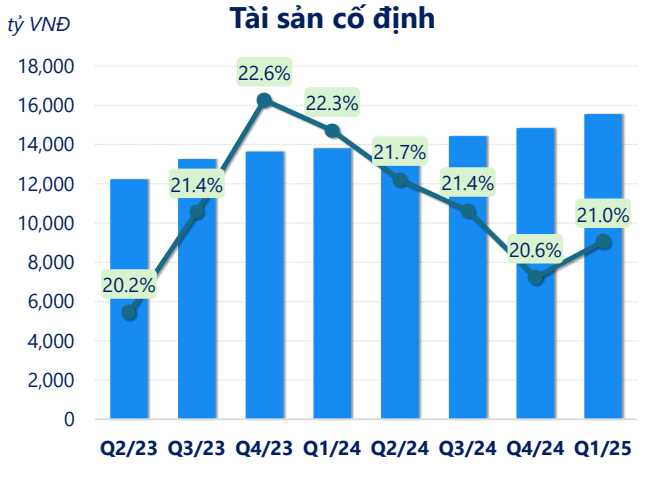

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

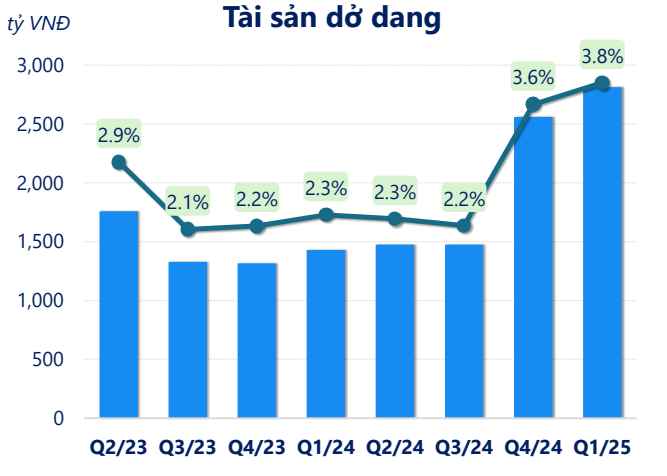

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

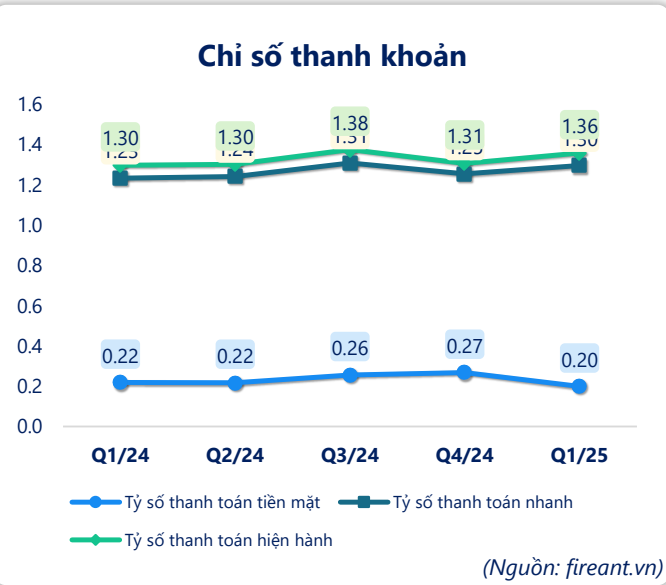

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

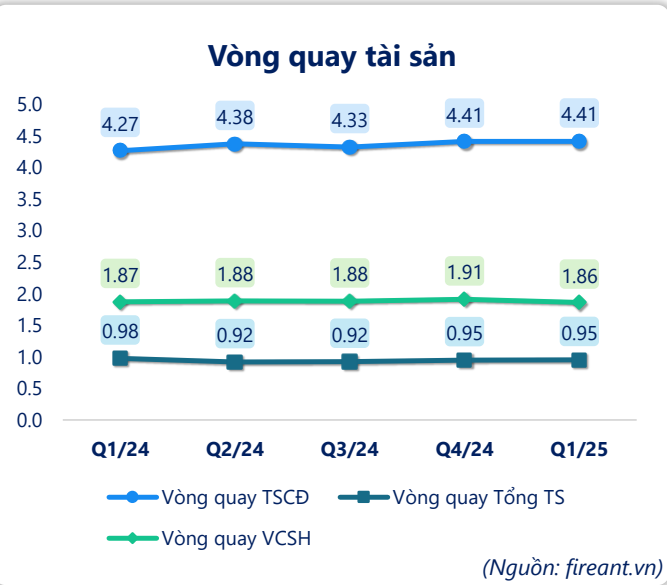

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**62,025**	**65,286**	**67,582**	**72,013**	**73,998**
Tài sản ngắn hạn	**37,679**	**40,835**	**42,605**	**45,475**	**46,076**
Tiền và tương đương tiền	6,341	6,836	7,936	9,315	6,756
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18,230	19,916	19,443	21,785	23,768
Phải thu ngắn hạn	10,055	10,993	11,875	11,380	11,998
Hàng tồn kho	1,856	1,884	2,059	1,836	2,108
Tài sản ngắn hạn khác	1,196	1,207	1,293	1,159	1,446
Tài sản dài hạn	**24,346**	**24,451**	**24,976**	**26,538**	**27,922**
Phải thu dài hạn	320	316	347	332	434
Tài sản cố định	13,814	14,178	14,439	14,842	15,548
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1,429	1,475	1,475	2,560	2,813
Đầu tư tài chính dài hạn	3,416	3,096	3,214	3,319	3,527
Tài sản dài hạn khác	3,755	3,907	4,067	4,388	4,535
Lợi thế thương mại	1,612	1,480	1,435	1,097	1,066
Nợ phải trả	**30,298**	**32,550**	**32,217**	**36,217**	**36,101**
Nợ ngắn hạn	**29,033**	**31,353**	**30,970**	**34,780**	**33,917**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15,984	16,024	14,168	14,446	18,320
Phải trả người bán ngắn hạn	3,180	3,215	3,097	4,424	3,244
Nợ dài hạn	1,264	1,197	1,248	1,436	2,184
Vay và nợ thuê dài hạn	525	478	478	501	988
Nguồn vốn chủ sở hữu	**31,727**	**32,736**	**35,364**	**35,797**	**37,897**
Vốn chủ sở hữu	**31,724**	**32,734**	**35,361**	**35,794**	**37,894**
Vốn điều lệ	12,700	14,604	14,604	14,711	14,711
Kinh phí và quỹ khác	2.75	2.75	2.75	2.75	2.75

(Nguồn: fireant.vn)